

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

PHỤ LỤC SỐ 04
(Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16/11/2020 của BTC)

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500677525 do Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh BR-VT cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 9 năm 2025.
- Vốn điều lệ: 499.998.320.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 499.998.320.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 1900636656
- Website: <http://www.pmw.vn>
- Mã cổ phiếu: PMW

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 27/8/2004 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định số 6023/QĐ.UB về việc chuyển Xí nghiệp Cấp Nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Công ty cổ phần;
- Ngày 01/01/2005 Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ tỉnh BR-VT, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3500677525 do Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 29/11/2004 với vốn điều lệ là 24,5 tỷ đồng;
- Ngày 30/12/2016 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ;
- Từ năm 2005-2022, công ty đã 12 lần tăng vốn điều lệ và vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022 của công ty là 469.998.320.000 đồng.
- Năm 2023, Công ty đã chào bán thành công cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 499.998.320.000 đồng.
- Hiện nay là công ty niêm yết trên sàn Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

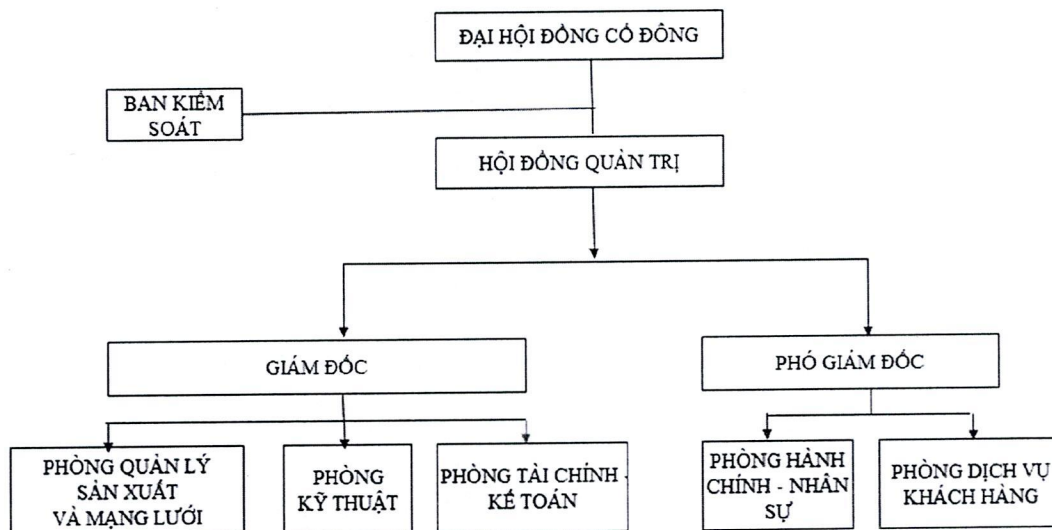
- **Ngành nghề kinh doanh:**

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước;	4299
3	- Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước;	4669

- **Địa bàn kinh doanh:** Cấp nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn Phường Phú Mỹ.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, và các quy định khác có liên quan.

❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính hàng năm của công ty, ĐHĐCĐ bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS)

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, HĐQT gồm 9 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch và 08 thành viên.

Hội đồng quản trị của công ty bao gồm 09 (chín) thành viên:

- | | | |
|----|-----------------------|-----------------|
| 1. | Ông Nguyễn Lương Điền | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Đinh Chí Đức | Thành viên HĐQT |
| 3. | Ông Phạm Tấn Luận | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Võ Hiền Hiếu | Thành viên HĐQT |

- | | | |
|----|----------------------|-----------------|
| 5. | Ông Nguyễn Xuân Khả | Thành viên HĐQT |
| 6. | Ông Nguyễn Cảnh Toàn | Thành viên HĐQT |
| 7. | Ông Nguyễn Tấn Long | Thành viên HĐQT |
| 8. | Bà Châu Thị Thúy Anh | Thành viên HĐQT |
| 9. | Ông Đặng Hồng Đăng | Thành viên HĐQT |

❖ **Ban kiểm soát**

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban làm việc chuyên trách và 02 thành viên.

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên:

- | | | |
|----|-------------------------|----------------|
| 1. | Bà Nguyễn Thị Nhung | Trưởng BKS |
| 2. | Ông Hồ Đắc Khương | Thành viên BKS |
| 3. | Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên BKS |

❖ **Ban giám đốc**

Ban giám đốc gồm 03 người: 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc quản lý điều hành công ty. Phó Giám đốc và kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc theo sự phân công.

- | | | |
|----|--------------------------|------------------|
| 1. | Ông Nguyễn Cảnh Toàn | - Giám đốc |
| 2. | Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc | - Phó Giám đốc |
| 3. | Bà Vũ Thị Như Trang | - Kế toán trưởng |

❖ **Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng:**

Các phòng/ban/đơn vị chức năng hỗ trợ cho Ban Giám Đốc thực hiện các kế hoạch SXKD của công ty. Công ty gồm 5 phòng chức năng: Phòng Quản lý Sản xuất và Mạng lưới, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Hành chính – Nhân

sự, Phòng Dịch vụ khách hàng.

▪ **Phòng Quản lý Sản xuất và Mạng lưới**

Bộ phận quản lý sản xuất là nơi sản xuất nước của Công ty có nhiệm vụ và chức năng sau:

- Sản xuất nước sạch;
- Quản lý chất lượng nước sản xuất bao gồm từ nguồn nước, nước sản xuất của nhà máy đến nơi tiêu thụ của khách hàng đảm bảo tiêu chuẩn;

Bộ phận Quản lý mạng lưới có chức năng quản lý toàn bộ mạng lưới phân phối nước đến từng khách hàng. Xây dựng kế hoạch chung của toàn công ty, phân tích tình hình và tiến hành công tác nghiệp vụ nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Các chức năng và nhiệm vụ:

- Thay bảo hành đồng hồ nước
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì
- Điều phối mạng lưới cấp nước từ công ty đến khách hàng.

▪ **Phòng Kỹ thuật**

Phòng Kỹ thuật có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ và đề xuất với Ban Giám đốc công ty về những vấn đề thuộc công tác điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với pháp luật. Tham mưu tổ chức các hợp đồng kinh tế theo đúng pháp lệnh của Nhà nước. Xây dựng kế hoạch chung của toàn công ty, phân tích tình hình và tiến hành công tác nghiệp vụ nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng quy trình kỹ thuật và định mức tiêu hao cho những mặt hàng mới theo yêu cầu. Giám sát chất lượng nước của toàn công ty, bao gồm từ nước nguyên liệu, nước sản xuất tại nhà máy và nước sạch đến nơi tiêu thụ đạt tiêu chuẩn hiện hành của quản lý nhà nước, phòng có nhiệm vụ sau:

- Quy hoạch, kiểm soát thiết kế hệ thống cấp nước
- Giám sát thi công
- Quản lý thiết bị
- Cung ứng vật tư
- Quản lý hợp đồng kinh tế
- Thi công các công trình cấp nước
- Mua sắm thiết bị, hóa chất phục vụ cho việc kiểm định chất lượng nước
- Hỗ trợ Giám đốc xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống quản lý chất lượng
- Kiểm tra lấy mẫu: Kiểm tra hàng thành phẩm.

- Kiểm tra công đoạn: Kiểm tra dụng cụ, thao tác, tài liệu và hồ sơ trên dây chuyền sản xuất.
- Tổ chức các hoạt động nhằm cải tiến chất lượng;
- Định hướng các hoạt động ở các phòng ban để phù hợp với nội dung chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng của công ty;
- Nghiên cứu khoa học về xử lý nước, phân tích chất lượng nước.

▪ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các khoản thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, bảo mật công tác thu, chi tài chính, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tình hình sử dụng vốn, tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính cho Ban Giám đốc công ty.

Các chức năng chính: Công tác tài chính, kế toán, thống kê.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự**

Phòng Hành chính – Nhân sự có nhiệm vụ lập quy hoạch cán bộ và xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ về bổ sung cho đội ngũ kế thừa trong toàn công ty. Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty về công tác tổ chức, bộ máy tổ chức cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm nhân sự và công tác chế độ chính sách khác trong toàn công ty. Thực hiện công tác định mức lao động, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng loại sản phẩm, dịch vụ, theo dõi và kiểm tra tham mưu cho Ban Giám đốc trong công ty về phân phối tiền lương trong Công ty, ...

Các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Công tác hành chính
- Công tác tổ chức lao động, tiền lương
- Quản lý nhân sự
- Quản lý kho vật tư.

▪ **Phòng Dịch vụ khách hàng**

Phòng Dịch vụ khách hàng chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kinh doanh. Đồng thời chịu trách nhiệm tổ chức quản lý các dịch vụ chăm sóc khách hàng sử dụng nước, theo dõi, nhập số liệu, lập và in ấn hóa đơn tiền nước; tổ chức quản lý chỉ số đồng hồ và thu tiền nước, quản lý đồng hồ nước, thực hiện giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng liên quan đến sử dụng nước máy, đơn lắp đặt mới, đơn xin cải tạo, công tác tháo kiểm định đồng hồ, theo dõi để ký lại hợp

đồng khi có sự thay đổi tên, mục đích sử dụng nước hoặc ngưng cung cấp nước đối với khách hàng không thực hiện đúng quy định, tư vấn và chăm sóc các khách hàng sử dụng nước trong các Khu công nghiệp, quản lý mạng lưới cấp nước các Khu công nghiệp, quản lý đồng hồ tổng và đồng hồ quản lý vùng của Công ty.

Phòng có các chức năng nhiệm vụ chính như sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Công tác kinh doanh
- Quản lý khách hàng
- Điều phối công tác ghi thu
- Theo dõi, xử lý công nợ tiền nước
- Tư vấn và chăm sóc khách hàng các KCN.
- Hỗ trợ việc quản lý, vận hành hệ thống cấp nước trong các KCN.
- Nắm bắt tình hình về định hướng phát triển của các nhà đầu tư trong các khu công nghiệp.
- Lập kế hoạch tạo mối liên kết của các đối tác và khách hàng sử dụng nước khối lượng lớn của công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm theo chức năng của Phòng.
- Các công việc khác theo yêu cầu.

3.2. Công ty liên kết thứ nhất: Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức

Địa chỉ	KCN Đô thị Châu Đức, Xã Ngãi Giao, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại	0254.3591.197
Ngày thành lập	06/11/2007
Giấy CNĐKDN	Số 3500823617 do Sở KH&ĐT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 06/11/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 18/09/2025
Hoạt động kinh doanh chính	+ Sản xuất, kinh doanh nước sạch + Lập dự án đầu tư, thiết kế và thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước + Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công

- nghiệp và hạ tầng kỹ thuật
- + Giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật
- + Sản xuất và kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước

Vốn điều lệ 575.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại CTCP Cấp nước Phú Mỹ 40,48%

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cấp nước PM tại CTCP Cấp nước Châu Đức 19,73%

3.3. Công ty liên kết thứ hai: Công ty Cổ phần Cấp nước BR - VT

Địa chỉ Số 14 đường 30/4, Phường Tam Thắng, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại 1900636646

Ngày thành lập 17/11/2007

Giấy CNĐKDN Số 3500101386 do Sở KH&ĐT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 17/11/2007, thay đổi lần thứ 24 ngày 13/08/2025.

Hoạt động kinh doanh chính

- + Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại
- + Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước
- + Xây dựng các công trình cấp thoát nước
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- + Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước

- + Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao
- + Thiết kế công trình cấp thoát nước

Vốn điều lệ 1.000.075.690.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại
CTCP Cấp nước Phú
Mỹ 16,69%

Tỷ lệ sở hữu của
CTCP Cấp nước PM
tại CTCP Cấp nước
BR-VT 5,07%

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phân đấu đạt danh hiệu Công ty cấp nước có hiệu quả sản xuất kinh doanh xếp hàng đầu Việt Nam.
- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Không ngừng cải tiến và ứng dụng công nghệ thông tin cho quản trị.
- Ưu tiên xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.
- Không ngừng nâng cao: Đời sống của người lao động trong Công ty và lợi ích của các Cổ đông.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư đồng bộ hệ thống cấp nước phù hợp với quy hoạch, đáp ứng nhu cầu phát triển của Thành phố Phú Mỹ;
- Hoàn thành thi công tuyến ống gang D600 đường Quy hoạch S. điều hòa áp lực mạng lưới cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn;
- Đầu tư 3 km ống gang D800 dọc Quốc lộ 51 từ Ngã Ba Long Sơn đến đường 991B, kết nối bổ sung nguồn nước với BWACO và WAS;
- Từng nước lắp đặt đồng hồ nước thông minh cho khách hàng, tự động hóa việc ghi chỉ số;
- Đầu tư về an ninh mạng và triển khai các giải pháp giảm thiểu rủi ro về công nghệ thông tin, đảm bảo các bước chuyển đổi số cho công ty, ứng dụng AI vào tự động hóa trong quản trị và dịch vụ khách hàng;
- Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị công ty;
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ vào thời điểm thích hợp;

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn, các kịch bản ứng phó sự.
- Sản xuất kinh doanh nước sạch đảm bảo vệ sinh môi trường (chấp hành nghiêm các quy định về quản lý chất thải, quy trình xả thải theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường).
- Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm.

- Triển khai các giải pháp để xây dựng công ty thành doanh nghiệp cấp nước xanh;
- Tiếp tục quan tâm thực hiện công tác từ thiện và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Tình hình ô nhiễm môi trường do việc xả nước thải chưa qua xử lý ra sông suối hay việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, không kiểm soát được đã ảnh hưởng đến nguồn nước cấp;
- Sự biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng nhiều đến nguồn nước cấp;
- Tình hình kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp trên địa bàn, do đó sẽ ảnh hưởng đến khối lượng nước tiêu thụ của khách hàng, doanh thu của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TH/KH (%)	2025/2024 (%)
1	Nước phân phối	m ³	30,549,770	29,736,100	29,865,463	100.44%	97.76%
2	Nước thương phẩm	m ³	29,764,442	28,837,150	29,103,510	100.92%	97.78%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	392,302	387,243	412,646	106.56%	105.19%
-	Doanh thu sản xuất nước	"	362,615	351,813	354,924	100.88%	97.88%
-	Doanh thu khác	"	29,687	35,430	57,722	162.92%	194.44%
4	Lợi nhuận sau thuế	"	98,847	96,662	119,120	123.23%	120.51%

* Đánh giá chung tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu nước sản xuất, nước thương phẩm, doanh thu sản xuất nước vẫn vượt kế hoạch. Dưới sự giám sát chặt chẽ và chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, mặc dù chi phí phát sinh cao, Công ty vẫn đạt được lợi nhuận sau thuế đạt 123.23% so với kế hoạch năm và đạt 120.51% so với năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành:**

T T	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Cảnh Toàn	1995	Kỹ sư xây dựng	Giám đốc	0,1%
2	Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	1983	Cử nhân kinh tế	Phó Giám đốc	0,08%
3	Vũ Thị Như Trang	1989	Cử nhân tài chính	Kế toán trưởng	0,07%

Giám đốc: Nguyễn Cảnh Toàn

- Họ và tên: Nguyễn Cảnh Toàn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/09/1995
- Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu (Nay là TP Hồ Chí Minh)
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 19/2 đường 30/4, P. Tam Thắng, TP Hồ Chí Minh
- CCCD số: 077095001213
- Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp: 30/11/2022
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng – Tài nguyên nước
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2018 đến 2024	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu	- Từ 2018: Cán bộ kỹ thuật - Từ 2022 đến 2024: Phó giám đốc XN.CN Vũng Tàu
11/2024 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	- Phó Giám đốc - Từ 03/2025: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc - Từ tháng 02/2026: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Phó Giám đốc: Nguyễn Thị Hoàng Ngọc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hoàng Ngọc
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/01/1983
- Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 215/44 Ba Cu, Phường Vũng Tàu,

TP Hồ Chí Minh

- CCCD số: 079183004254
- Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Ngày cấp: 02/10/2021
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 đến 2014	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	Trưởng nhóm
2014 đến 2025	Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu	- Từ 2016: Trưởng BKS - Từ 2018 đến T1/2026: Thành viên BKS, Trưởng phòng TC-HC
Từ 2026 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	- Từ t2/2026: Phó Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty CP Cấp nước BR-VT.

Kế toán trưởng: Vũ Thị Như Trang

- Họ và tên: Vũ Thị Như Trang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/11/1989
- Nơi sinh: Nam Định (Nay là tỉnh Ninh Bình)
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 2/14 Lương Văn Can, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh
- Chứng minh nhân dân số: 036189022401
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát QL hành chính về TTXH
- Ngày cấp: 11/08/2021
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011-2018	Công ty Cổ phần cấp nước Bà Rịa	Nhân viên Kế toán

	- Vũng Tàu	
2018-2020	Công ty Cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Chuyên viên Nhân sự - tiền lương
2021 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	Năm 2021: Thành viên Hội đồng quản trị - Quyền Kế toán trưởng Từ 01/2022 đến 04/2023: Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Từ 04/2023 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị

- Chức vụ nắm giữ tại Công ty: Người phụ trách quản trị - Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP
Cấp nước Châu Đức
- **Những thay đổi trong ban điều hành:**
 - + Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc của ông Nguyễn Văn Mạnh từ 31/12/2025,
 - + Miễn nhiệm chức danh giám đốc Công ty của ông Phạm Tấn Luận từ 03/02/2026,
 - + Bổ nhiệm ông Nguyễn Cảnh Toàn là Giám đốc Công ty từ ngày 03/02/2026,
 - + Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc là Phó giám đốc Công ty từ ngày 03/02/2026.
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**
 - * Tổng số CB.CNV Công ty: 68 người
 - * Chính sách đối với người lao động:
 - + Các CB.CNV được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn của từng người lao động.
 - + 100% CB.CNV được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm, nghỉ phép... và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng tuyến D630 từ cổng KCN Tiến Hùng về ngã tư đường S giao đường số 7.
- Hoàn thành giai đoạn 1 tuyến ống D600 đường S, tiếp tục thi công giai đoạn 2.
- Gia cố tuyến ống gang D800 đường Hội Bài – Phước Tân
- Hoàn thành đưa vào sử dụng kho vật tư
- Khởi công xây dựng tòa nhà công ty, thi công hệ thống tuần hoàn nước rửa lọc.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Cấp nước BR-VT:

- Vốn điều lệ 1000 tỷ đồng;
- Vốn góp của Cấp nước Phú Mỹ chiếm 5,07% VDL;
- Chia cổ tức trong năm 2025:
+ Cổ tức bằng tiền mặt: 31%/VDL .

Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức:

- Vốn điều lệ 575 tỷ đồng;
- Vốn góp của Cấp nước Phú Mỹ chiếm 19,73% VDL;
- Chia cổ tức trong năm 2025:
+ Cổ tức bằng tiền : 35% VDL

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	701,678	673,134	95.93%
Doanh thu thuần	363,848	355,520	97.71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	108,456	127,415	117.48%
Lợi nhuận khác	(1,109)	(362)	32.64%
Lợi nhuận trước thuế	107,347	127,053	118.36%
Lợi nhuận sau thuế	98,847	119,120	120.51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	16%	20%	125%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.31	0.43	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1.14	0.34	

(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.11	0.14	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.13	0.16	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	22.90	21.78	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.52	0.53	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0.27	0.34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu :	0.16	0.21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản :	0.14	0.18	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	0.30	0.36	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 49.999.832 cổ phần, trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 33.999.832 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 16.000.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: chốt ngày 02/02/2026

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng số cổ đông	628	49.999.832	100
1. Cổ đông nhà nước (Công ty CP Cấp nước BRVT)	01	8.346.064	16,69
2. Cổ đông tổ chức	04	21.444.836	42,89
3. Cổ đông cá nhân	623	20.208.932	40,42

Trong đó: cổ đông trong nước: 627 cổ đông, cổ đông nước ngoài: 1 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép
1	01/2007	13.315,6	37.893,60	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Giấy ĐKDN số 4903000133 cấp lần đầu ngày 29/11/2004, cấp thay đổi lần 1 ngày 27/02/2007)
2	04/2007	15.000	52.893,60	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho Cán bộ Công nhân viên	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Giấy ĐKND cấp thay đổi lần 2 ngày 19/04/2007)
3	05/2009	13.222,94	66.116,54	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 3 ngày 04/06/2009; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 21/04/2009)
4	10/2011	23.883,46	90.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho Cán bộ CNV công ty	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 4 ngày 02/11/2011; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 14/09/2011)

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép
5	05/2014	27.000	117.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 5 ngày 30/05/2014; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 15/04/2014 và 22/05/2014)
6	09/2015	43.000	160.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 6 ngày 19/10/2015; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 01/09/2015 và 14/10/2015)
7	10/2016	40.000	200.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cho Cán bộ Công nhân viên Công ty	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 7 ngày 24/11/2016; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép
					phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 30/09/2016 và 28/10/2016)
8	06/2017	60.000	260.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 9 ngày 17/10/2017; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 26/06/2017 và 07/07/2017)
9	03/2019	40.000	300.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 12 ngày 25/03/2019; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 21/02/2019 và 22/03/2019)

10	07/2019	100.000	400.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đồng chiến lược	Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBCKNN (Giấy ĐKDN cấp thay đổi lần 14 ngày 05/07/2019; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 07/05/2019 và 04/06/2019 – Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu; Chấp thuận phát hành của UBCKNN và thông báo nhận được kết quả phát hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 27/06/2019 và 04/07/2019 - Phát hành riêng lẻ)
----	---------	---------	---------	--	--

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Trong năm 2022, Công ty đã hoàn thành 2 đợt phát hành:

- Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 29.998.320.000 đồng tương ứng 2.999.832 cổ phiếu, được UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành ngày 08/12/2022.

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 40.000.000.000 đồng tương ứng 4.000.000 cổ phiếu, được UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành ngày 05/01/2023

Năm 2023, công ty hoàn thành phân phối 3.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược, tăng vốn lên 30.000.000.000 đồng, được UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành ngày 09/05/2023 theo công văn số 2457/UBCK-QLCB.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát khí nhà kính GHG trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

- Clo: 3.722 kg

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện: 2.467.066 Kwh

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước: Công ty tự sản xuất

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và nước sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

– Tổng số CB.CNV Công ty: 68 người

– Mức lương trung bình của người lao động: 10.600.000 đồng/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động như thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị phòng độc Clor, quần áo bảo hộ lao động đặt may bằng loại vải bền, đẹp, đúng kích cỡ, tạo cho người lao động được thoải mái khi làm việc.
- Hàng năm, công ty có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CB.CNV Công ty để phát hiện bệnh kịp thời và tạo điều kiện chữa bệnh. Chi phí kiểm tra sức khỏe hàng năm do công ty chi trả.
- Các chế độ phúc lợi khác của người lao động được thực hiện đúng như thỏa ước lao động tập thể của công ty, có đại diện tổ chức Công đoàn ký kết với người sử dụng lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- 100% CBNV Công ty được đào tạo ít nhất 01 lần trong năm;
- Tập trung đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ cấp trung và tay nghề, kỹ năng làm việc cho nhân viên.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: chi hỗ trợ an sinh xã hội: 500 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty còn ủng hộ cho các chùa, giáo xứ, Phường xã để tặng quà cho người nghèo, khó khăn trên địa bàn.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH/KH (%)	2025/2024 (%)
Tổng doanh thu	Triệu đồng	392.302	387.243	412.646	106.56%	105.19%
Lợi nhuận sau	"	98.847	96.662	119.120	123.23%	120.51%

Năm 2025 với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã hết sức linh hoạt và chủ động trong công tác điều hành, tăng cường các biện pháp quản lý nhằm đạt được kết quả tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, tổng doanh thu vượt kế hoạch 106.56% tuy các chi phí tăng cao nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 120.51% so với năm 2024.

2. Tình hình tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Triệu đồng	673,134	701,678
1	Tài sản ngắn hạn	"	40,347	104,064
	Tiền và các khoản tương đương tiền	"	3,971	41,534
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	"	-	-

	Các khoản phải thu ngắn hạn	"	26,143	46,623
	Hàng tồn kho	"	8,347	13,218
	Tài sản ngắn hạn khác	"	1,887	2,689
2	Tài sản dài hạn	"	632,787	597,614
	Tài sản cố định	"	407,162	399,207
	Tài sản dở dang dài hạn	"	105,098	83,748
	Đầu tư tài chính dài hạn	"	102,579	102,579
	Tài sản dài hạn khác	"	17,948	12,081
II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	"	673,134	701,678
1	Nợ phải trả	"	93,804	79,549
	Nợ ngắn hạn	"	93,804	79,549
	Nợ dài hạn	"	-	-
2	Vốn chủ sở hữu	"	579,330	622,129
	Vốn chủ sở hữu	"	579,330	622,129

Tình hình nợ phải trả :

Tình hình nợ hiện tại: Nợ phải trả hiện tại là nợ ngắn hạn.

Nợ phải trả ngắn hạn trong năm 2025 là những khoản nợ mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, thuế phải trả, lương thưởng, ngoài ra còn có:

- Khoản nợ vay vốn lưu động tại ngân hàng Vietcombank – CN Vũng Tàu theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-2025/HDCVHM/PMW ngày 05/05/2025.
 - + Hạn mức vay: 50 tỷ đồng
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Lãi suất: cố định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay và theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ.
 - + Thời gian vay: 04 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ)
- Khoản vay vốn lưu động tại ngân hàng BIDV – CN Phú Mỹ theo hợp đồng cho vay 01/2025/611439/HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2025, hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ

đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 30/06/2026.

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Lãi suất: xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

+ Không có tài sản bảo đảm

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: công ty hiện nay đang ứng dụng các công nghệ mới:

- Thực hiện ngưng thu tiền mặt tại nhà, thanh toán không dùng tiền mặt cho KH.
- Lắp đặt hơn 2500 đồng hồ thông minh cho khách hàng
- Đầu tư thay thế các thiết bị, nâng cấp hạ tầng mạng hiện đại, đồng thời phát triển các phần mềm bảo vệ và các phần mềm phục vụ hoạt động SXKD: web gis, Datalogger, pm tính thất thoát.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a) Kế hoạch SXKD năm 2026:

- Nước thương phẩm: 28.836.550 m³
- Doanh thu: 385.628 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 101.604 triệu đồng

b) Kế hoạch đầu tư phát triển.

- Hoàn thành cải tạo nhà văn phòng và khuôn viên công ty;
- Tự động hóa toàn bộ nhà máy nước ngầm
- Tối ưu hóa nguồn nhân lực để hoạt động hiệu quả
- Đưa nhân viên PMW học hỏi trực tiếp tại các công ty cùng ngành nghề
- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến môi trường, Công ty chú trọng trách nhiệm về môi trường và xã hội, tham gia cùng các công ty trong địa bàn bảo vệ nguồn nước, đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Thu nhập và chế độ cho người lao động luôn ổn định, chú trọng trách nhiệm xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị đánh giá cao những việc công ty đã làm được trong năm 2025:

- Đầu tư cải tạo khu xử lý bằng công nghệ mới không dùng hóa chất, thân thiện với môi trường.
- Nâng cao chất lượng nước, dịch vụ cấp cho khách hàng.
- Đảm bảo cấp nước an toàn, kiểm soát tốt chất lượng nước
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, ...

- Chú trọng trách nhiệm xã hội qua các hoạt động tài trợ, ủng hộ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, nạn nhân bị ảnh hưởng của dịch bệnh,...đặc biệt là những đối tượng tại địa phương.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

- Trong năm 2025 Ban giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, nỗ lực làm việc hết mình để đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các cổ đông.
- Công việc và thu nhập của người lao động trong Công ty luôn ổn định, đời sống của người lao động được chăm lo, tạo mối quan hệ tốt giữa người lao động và người sử dụng lao động.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch.
- Mở rộng mạng lưới cấp nước sạch đi đôi với việc bảo vệ môi trường. Đầu tư đồng bộ hệ thống cấp nước phù hợp với quy hoạch, đáp ứng nhu cầu phát triển của Thành phố Phú Mỹ.
- Không ngừng cải tiến và ứng dụng công nghệ thông tin cho quản trị.
- Ưu tiên xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.
- Triển khai các giải pháp để xây dựng công ty thành doanh nghiệp cấp nước xanh
- Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và công nhân viên để có thể theo kịp đà phát triển chung của ngành nghề cấp nước trong xã hội.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng chức danh nắm giữ tại tổ chức khác	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch HĐQT	02	278.483	0,56%
2	Đinh Chí Đức	Thành viên HĐQT	02	386.301	0,77%
3	Nguyễn Cảnh Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	0	54.700	0,11%
4	Phạm Tấn Luận	Thành viên HĐQT	02	125.637	0.42%
5	Châu Thị Thúy Anh	Thành viên HĐQT	0	25.080	0.05%

6	Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT kiêm Người được UQ CBTT	0	13.489	0,03%
7	Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	0	88.188	0,18%
8	Võ Hiền Hiếu	Thành viên HĐQT	01	136.969	0,27%
9	Nguyễn Xuân Khả	Thành viên HĐQT	0	9.408	0,02%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên công tác quản lý điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty (04 lần/năm) nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty để có sự điều chỉnh kịp thời.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 09 lần:

- Họp định kỳ hàng quý vào các ngày 06/01/2025, 10/04/2025, 08/07/2025, 07/10/2025 các thành viên tham dự gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng công ty. Tại cuộc họp, Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các công việc đã thực hiện được trong các Quý; dự kiến các công việc cần phải thực hiện trong Quý tiếp theo và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026; Đề xuất xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Ngoài ra Hội đồng quản trị còn họp 5 lần:
 - + Ngày 21/01/2025: Thông qua việc vay tại ngân hàng VCB, giao dịch với các bên liên quan;
 - + Ngày 14/03/2025: Thông qua việc bầu các chức danh trong HĐQT, Ban điều hành.
 - + Ngày 06/05/2025: Thông qua phương án vay vốn tại ngân hàng BIDV; lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025.
 - + Ngày 29/08/2025: Thông qua giao dịch với các bên liên quan (bổ sung)
 - + Ngày 31/12/2025: Thông qua miễn nhiệm Phó giám đốc Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

STT	Khóa học	Đơn vị đào tạo	Ngày	Học viên
1	Quản trị công ty	Viện Phát triển nguồn nhân lực và Kinh doanh (HUREDIN)	05-06/09/2025	Vũ Thị Như Trang

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Nhung	Trưởng BKS	133.504	0,34%
2	Hồ Đắc Khương	Thành viên BKS	10.000	0,02%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và theo yêu cầu để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. BKS đã thực hiện:

- Giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc điều hành và quản lý công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 của HĐQT và BGĐ công ty;
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
- Thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Cộng VND
Năm nay					
Ông Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch HĐQT	-	260.000.000	150.000.000	410.000.000
Ông Đinh Chí Đức	Thành viên HĐQT	-	280.000.000	130.000.000	410.000.000
Bà Châu Thị Thúy Anh	Thành viên HĐQT	876.985.700	210.000.000	110.000.000	1.196.985.700
Ông Võ Hiền Hiểu	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	90.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Xuân Khả	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	90.000.000	170.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	150.000.000	30.000.000	180.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	1.018.255.700	230.000.000	120.000.000	1.368.255.700
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	936.420.000	230.000.000	120.000.000	1.286.420.000
Ông Phạm Tấn Luân	Cựu Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.379.690.000	250.000.000	120.000.000	1.749.690.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc	1.351.850.000	220.000.000	30.000.000	1.601.850.000
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.020.225.400	130.000.000	90.000.000	1.240.225.400
Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng BKS	-	80.000.000	90.000.000	170.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS	-	70.000.000	60.000.000	130.000.000
Ông Hồ Đắc Khương	Thành viên BKS	-	70.000.000	60.000.000	130.000.000
Bà Lê Minh Đức	Cựu Trưởng BKS	-	130.000.000	30.000.000	160.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Cựu Thành viên BKS	-	130.000.000	20.000.000	150.000.000
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	946.860.000	200.000.000	95.000.000	1.241.860.000
Cộng		7.530.296.800	2.800.000.000	1.435.000.000	11.765.296.800

Họ tên	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Cộng VND
Năm trước					
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	290.000.000	160.000.000	450.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	250.000.000	120.000.000	370.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	230.000.000	120.000.000	350.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	732.768.900	420.800.000	120.000.000	1.273.568.900
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	673.611.922	408.800.000	120.000.000	1.202.411.922
Ông Phạm Tấn Luân	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.008.262.800	513.200.000	120.000.000	1.641.462.800
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	944.687.300	473.800.000	120.000.000	1.538.487.300
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc	42.130.000	-	-	42.130.000
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	210.000.000	120.000.000	330.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	200.000.000	80.000.000	280.000.000
Bà Châu Thị Thủy Anh	Thành viên BKS	588.867.800	359.600.000	80.000.000	1.028.467.800
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	673.635.200	378.800.000	80.000.000	1.132.435.200
Cộng		4.663.963.922	3.735.000.000	1.240.000.000	9.638.963.922

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
				Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Cảnh Toàn	077095001213, ngày 30/11/2022, tại Cục CS QLHC về TTXH	TV HĐQT kiêm Giám đốc	4.700	0,009%	54.700	0,11%	Mua
2	Võ Hiền Hiếu	040068000206 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Thành viên HĐQT	136.469	0,273%	136.969	0,274%	Mua
3	Nguyễn Xuân Khả	077088005088 ngày 27/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Thành viên HĐQT	0	0,000%	9.408	0,019%	Mua
4	Dương Đình Châu	040069000125 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Bố vợ ông Nguyễn Cảnh Toàn - TV HĐQT kiêm GD	37.570	0,075%	39.070	0,08%	Mua
5	Hồ Đắc Khương	077089003205 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Thành viên BKS	0	0%	10.000	0,02%	Mua
6	Lê Thị Tuyết Nhung	044178000173 ngày 27/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Mẹ vợ ông Nguyễn Cảnh Toàn - TV HĐQT kiêm GD	6.652	0,013%	11.152	0,02%	Mua
7	Nguyễn Cảnh Tùng	040065000184 ngày 11/02/2025 tại Bộ Công an	Bố đẻ ông Nguyễn Cảnh Toàn - TV HĐQT kiêm GD	200.046	0,400%	155.946	0,312%	Bán

8	Nguyễn Cảnh Tùng	040065000184 ngày 11/02/2025 tại Bộ Công an	Bố đẻ ông Nguyễn Cảnh Toàn - TV HĐQT kiêm GD	155.946	0,312%	156.446	0,313%	Mua
9	Nguyễn Lương Điền	036065006254 ngày 19/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	CT HĐQT	277.983	0,556%	278.483	0,557%	Mua
10	Nguyễn Thị Nhung	042180009030 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Trưởng BKS	136.004	0,272%	133.004	0,266%	Bán
11	Nguyễn Thị Nhung	042180009030 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Trưởng BKS	133.004	0,266%	133.504	0,267%	Mua
12	Nguyễn Thị Thanh Hà	042173000158 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Vợ ông Võ Hiền Hiếu - TV HĐQT	41.233	0,082%	41.733	0,083%	Mua
13	Nguyễn Thị Trâm	036176014503 ngày 06/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Em ruột ông Nguyễn Lương Điền - CT HĐQT	4.472	0,009%	4.972	0,010%	Mua
14	Phạm Minh Chương	077203002380 ngày 06/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Con ruột ông Phạm Tấn Luận - TVHĐQT	-	0%	1.500	0,003%	Mua
15	Phạm Tấn Luận	077075002222 ngày 29/04/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	TV HĐQT	125.137	0,250%	125.637	0,251%	Mua
16	Phan Thị Mừng	077179003115 ngày 20/04/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH	Vợ ông Phạm Tấn Luận - TVHĐQT	-	0%	500	0,001%	Mua
17	Võ Thị Nhã	040176013537 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Em ruột ông Võ Hiền Hiếu - TV HĐQT	105.577	0,211%	106.077	0,212%	Mua
18	Võ Thị Thanh Hiền	077195000943 ngày 03/06/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	Con ruột ông Võ Hiền Hiếu - TV HĐQT	-	0%	500	0,001%	Mua

19	Võ Thị Tuyết Thanh	046182009636, ngày 02/07/2021, Cục CS QLHC về TTXH	Vợ ông Đặng Hồng Đăng, TV HĐQT	7.000	0,014%	13.366	0,027%	Mua
20	Lê Hoàng Thúy Vy	082190000201 ngày 02/07/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Vợ ông Hồ Đắc Khương - TV BKS	-	0%	1.400	0,003%	Mua
21	Vũ Trọng Đan	036095003222 ngày 12/01/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	Em ruột bà Vũ Thị Như Trang - KTT kiêm người PT Quản trị	-	0%	500	0,001%	Mua
22	Công đoàn CTCP Cấp nước BRVT	16/QĐ-CĐNXD ngày 20/04/2023 tại Công đoàn ngành XD	Tổ chức công đoàn CTCP Cấp nước BRVT	229.608	0,459%	0	0%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm giao dịch	Số Nghị Quyết/ Ngày ban hành	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Cấp nước Châu Đức	Công ty liên kết	3500823617 Ngày 18/09/2025 tại Sở TC TPHCM	KCN đô thị Châu Đức, xã Ngãi Giao, TP. Hồ Chí Minh	Giao dịch trong năm 2025	01/2025/NQ-HĐQT, ngày 21/01/2025	- Cung cấp nước sạch: 156.833.873.000 đồng - Thi công công trình liên quan cấp nước và công trình xây dựng: 9.463.574.730 đồng	
2	Công ty CP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	3500101386 ngày 13/08/2025 tại Sở TC TPHCM	14 Đường 30/4, Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh	Giao dịch trong năm 2025	01/2025/NQ-HĐQT, ngày 21/01/2025	- Cung cấp nước sạch: 140.238.000 đồng - Thi công công trình liên quan cấp nước và công trình xây dựng: 5.619.355.667 đồng - Dịch vụ chăm sóc khách hàng: 64.814.815	

3	Võ Thị Khánh Vân	Vợ ông Đinh Chí Đức - TV HĐQT	040163016820 ngày 11/09/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH	19/2 Đường 30/4 Phường Thắng Nhì, Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh	Giao dịch trong năm 2025	08/2025/NQ-HĐQT, ngày 29/08/2025	- Cho thuê đất: 200.000.000 đ
---	------------------	-------------------------------	--	---	--------------------------	----------------------------------	-------------------------------

d) Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, Báo cáo kiểm toán. Tất cả các báo cáo trên đã được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trang công bố thông tin <https://cims.hnx.vn> và www.pmw.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cảnh Toàn